

Bản án số: 86/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29-6-2023
"V/v Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Trường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Hùng

Ông Nguyễn Văn Mua

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Trâm - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thúy Liễu, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đoàn Thị Năm T, sinh năm 1962; địa chỉ: Ấp Bình N, xã Ngãi T, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1964; địa chỉ: Ấp Bình N, xã Ngãi T, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 15/9/2022 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Đoàn Thị Năm T trình bày như sau:

Về hôn nhân: Bà T và ông H được mai mối và tự tìm hiểu được 05 đến 06 tháng thì đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, bắt đầu chung sống như vợ chồng từ tháng 8/1986 (AL) nhưng không có đăng ký kết hôn, đến ngày 17/12/2004 ông bà đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngãi T, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long. Trong quá trình chung sống, ông bà sống hạnh phúc đến tháng 6/2022 thì

phát sinh mâu thuẫn do ông H không chăm lo cho gia đình, có quen người phụ nữ khác ở bên ngoài, ông H đánh bà nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi mặc dù đã hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không thể hàn gắn được. Hiện nay ông bà đã sống ly thân từ tháng 02/2022 cho đến nay vì vậy bà T yêu cầu ly hôn vì xác định không còn tình cảm với ông H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông bà có 04 con chung tên Nguyễn Thị L, sinh ngày 22/6/1987; Nguyễn Văn L1, sinh ngày 14/3/1988; Nguyễn Thị L2, sinh ngày 14/9/1990 và Nguyễn Trung H1, sinh ngày 22/02/1997. Hiện nay L, L1, L2 và H1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà T vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày và không bổ sung gì khác.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn H nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án, không có văn bản trả lời thông báo của Tòa án, không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa, ông H được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân theo đúng quy định pháp luật tố tụng, người tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định pháp luật, riêng ông Huệ chưa chấp hành đúng quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự; thời hạn đưa vụ án ra xét xử là đảm bảo về thời hạn.

Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T. Cho bà T được ly hôn với ông H.

Về con chung: Nguyễn Thị L, sinh ngày 22/6/1987; Nguyễn Văn L1, sinh ngày 14/3/1988; Nguyễn Thị L2, sinh ngày 14/9/1990 và Nguyễn Trung H1, sinh ngày 22/02/1997 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết

Về án phí: Bà T thuộc trường hợp người cao tuổi nên không chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, bị đơn cư trú tại huyện Tam Bình được thụ lý phù hợp về thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân: Bà T và ông H được mai mối, sau đó tự tìm hiểu được 05 đến 06 tháng thì đi đến hôn nhân và bắt đầu chung sống như vợ chồng từ tháng 8/1986 (AL) nhưng không có đăng ký kết hôn, đến ngày 17/12/2004 ông bà đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngãi T, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, ông bà sống hạnh phúc được một khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Tại Tòa, bà T xác định mâu thuẫn do ông H không chăm lo cho gia đình, có quen người phụ nữ khác ở bên ngoài, đánh bà nhiều lần, vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi nên từ đó tình cảm vợ chồng không còn chung sống hạnh phúc vì vậy bà T yêu cầu ly hôn với ông H.

Xét hôn nhân bền vững phải xuất phát từ tình cảm của hai phía tuy nhiên trong quá trình chung sống bà T, ông H đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, trong khoảng thời gian này ông bà không còn quan tâm thăm hỏi, chăm sóc cuộc sống của nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho ông H tham gia hòa giải nhiều lần để các bên tháo gỡ những mâu thuẫn nhưng ông H không tham dự và cũng không trình bày ý kiến phản bác đối với yêu cầu xin ly hôn của bà T. Mặc khác, tại Tòa bà T xác định trường hợp Tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn thì bà vẫn không thể tiếp tục chung sống với ông H được nữa. Do đó theo lời trình bày của bà T có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà

T là phù hợp theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Bà T xác định ông bà có 04 con chung tên Nguyễn Thị L, sinh ngày 22/6/1987; Nguyễn Văn L1, sinh ngày 14/3/1988; Nguyễn Thị L2, sinh ngày 14/9/1990 và Nguyễn Trung H1, sinh ngày 22/02/1997. Hiện nay L, L1, L2 và H1 đã trưởng thành, bà Tao không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà T thuộc trường hợp người cao tuổi, có làm đơn xin miễn án phí nên được miễn nộp tiền án phí theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 13 và Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Điều 2 Luật Người cao tuổi. Ông H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 2 Luật Người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 13 và Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đoàn Thị Năm T. Cho bà Đoàn Thị Năm T được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Bà T và ông H có 04 con chung tên Nguyễn Thị L, sinh ngày 22/6/1987; Nguyễn Văn L1, sinh ngày 14/3/1988; Nguyễn Thị L2, sinh ngày 14/9/1990 và Nguyễn Trung H1, sinh ngày 22/02/1997. Hiện nay L, L1, L2 và H1 đã trưởng thành, bà Tao không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Đoàn Thị Năm T thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Minh Trường